

姓名:
 班级:



分数	教师的评价

一、 连接词语 Nối các từ sau với phiên âm và nghĩa sao cho đúng (25 分)

- | | | |
|-------|---------------|---------------|
| 1.聪明 | A: búcuò | a: Dự định |
| 2.非常 | B: zhōumò | b: Rẻ |
| 3.有名 | C: dòngwùyuan | c: Sở thú |
| 4.便宜 | D: dǎsuan | d: Cuối tuần |
| 5.天气 | E: zhǔyì | e: Không tồi |
| 6.周末 | F: tiānqì | f: Nổi tiếng |
| 7.打算 | G: piányi | g: Cực kỳ |
| 8.主意 | H: yǒumíng | h: Thời tiết |
| 9.动物园 | I: cōngmíng | i: Thông minh |
| 10.不错 | K: fēicháng | k: Ý kiến |
- 1- _____ 2- _____ 3- _____ 4- _____ 5- _____
 6- _____ 7- _____ 8- _____ 9- _____ 10- _____

二、 选词填空 Chọn từ điền vào chỗ trống (25 分)

A. 动物园 B. 聪明 C. 公共汽车 D. 听 E. 一直

- 这是非常好听的中国歌，你听一_____。
- 马丽是我的朋友，她非常_____。
- 这几天_____下雨，天气很冷。
- A: 明天我们怎么去_____呢?
 B: 我们坐_____去吧。

三、阅读下面的短文选择正确的答案 **Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng (.30 分)**

听说，这个周末天气很好，是晴天不冷，不热。我和大山打算去动物园看动物。我想看大熊猫和猴子。大山想看狮子，老虎和马。我们对动物都很感兴趣。我家就有一只猫，它非常可爱。我很喜欢去玩，以后我还想去爬长城。中国的长城很有名。

1. 这个周末天气怎么样?
A. 天气不好 B. 天气很好，晴天，不冷不热 C. 下雨
2. “我”喜欢看什么动物?
A. 大熊猫和猴子
B. 狮子，老虎和马
C. 马丽想看猫和狗
3. “我”还想去哪儿?
A. 看看动物 B. 爬长城 C. 出去玩儿

四、用下面的词语回答问题 **Dùng từ cho sẵn trả lời câu hỏi (20 分)**

1. 每天你怎么去学校？（骑摩托车）

.....

2. 周末你打算做什么？（休息，看书，跟朋友约会）

.....